

Bản án số: 70/2024/DS-ST

Ngày: 30/8/2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Ông Phạm Ngọc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện A: Ông Trần Văn Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2024/TLST- DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh C

* Bị đơn: Chị **Ngô Thị O**, sinh năm 1982 (có mặt)

Anh **Nguyễn Vũ C1**, sinh năm 1981 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K1, xã V, huyện A, tỉnh K

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ

án nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh và vợ chồng anh C1, chị O quen biết nhau qua mối quan hệ họ hàng, trước đây vợ chồng anh, chị tổ chức chơi hụi tại địa phương, anh cũng tin tưởng nên có tham gia chơi dây hụi như sau:

- Hụi áp ngày 05/05/2018 âm lịch: Anh có tham gia chơi 01 chung hụi 1.000.000 đồng (*trong danh sách hụi ghi tên cậu Đ vì khi đó anh đi làm ở Sài Gòn nên nhờ cha anh là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 đứng tên chơi hụi dùm, mỗi tháng anh gửi về cho cha anh đóng hụi, tháng nào ngay anh về thì anh cũng có đóng hụi*). Hụi này mỗi tháng khui 1 lần, gồm 35 phần, chung hụi này anh đóng hụi sống cho vợ chồng chị O được 22 lần x 1.000.000 đồng là 22.000.000 đồng thì vợ chồng chị O công bố bẻ hụi.

- Hụi áp ngày 29/05/2018 âm lịch: Anh có tham gia chơi 01 chung hụi 1.000.000 đồng (*trong danh sách hụi cũng ghi tên cậu Đ vì khi đó anh đi làm ở Sài Gòn nên nhờ cha anh là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 đứng tên chơi hụi dùm, mỗi tháng anh gửi về cho cha anh đóng hụi, tháng nào ngay anh về thì anh cũng có đóng hụi*), mỗi tháng khui 1 lần, gồm 34 phần, chung hụi này anh đóng hụi sống cho vợ chồng chị O được 22 lần x 1.000.000 đồng là 22.000.000 đồng thì vợ chồng chị O công bố bẻ hụi.

Tổng cộng số tiền anh C1, chị O nợ anh là 44.000.000 (bốn mươi bốn triệu) đồng, sau đó vợ chồng chị O có gửi trả cho anh được 5.000.000 đồng, còn lại 39.000.000 đồng đến nay không trả nữa.

Từ đó đến nay vợ chồng anh C1, chị O hứa trả nên anh không làm đơn yêu cầu, đến nay anh C1 bán đất nhưng không trả cho anh mà còn thách thức anh đi thưa.

Nay anh yêu cầu anh Nguyễn Vũ C1 và chị Ngô Thị O phải trả cho anh số tiền hụi còn nợ là 39.000.000 (ba mươi chín triệu) đồng.

** Theo biên bản ghi lời khai ngày 26/7/2024, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Vũ C1 trình bày:*

Vợ chồng anh và C có mối quan hệ họ hàng với nhau. Anh C là em bà con của vợ chồng anh, vợ chồng anh kêu cha của anh C là cậu, khi tham gia chơi hụi

do anh C đi làm nên lấy tên cha C là cậu 9 Đà. Vợ chồng anh xác định tại thời điểm tuyên bố úp hụi thì anh C kêu vợ chồng anh tính nguyên hụi chết nghĩa là dây hụi ngày 05/5/2018 âm lịch đóng được 22 lần thì tính 22.000.000 đồng; hụi ngày 29/05/2018 âm lịch cũng đóng được 22 lần thì cũng tính 22.000.000 đồng. Tổng cộng là 44.000.000 đồng, thì anh C cho vợ chồng anh trả dần tháng có nhiều đưa nhiều thì vợ chồng anh đã đưa anh C được 5.000.000 đồng. Thừa nhận còn nợ lại 39.000.000 đồng nhưng nay do hoàn cảnh khó khăn nợ nhiều người xin anh C nhận lại vốn gốc ở dây hụi ngày 05/5/2018 âm lịch số tiền là 10.440.000 đồng; hụi ngày 29/05/2018 âm lịch số tiền là 9.800.000 đồng. Tổng cộng là 20.240.000 đồng trừ đi 5.000.000 đồng vợ chồng anh đã đưa thì còn nợ lại 15.240.000 đồng. Nhưng xin trả dần do hiện nay nợ rất nhiều người.

** Theo biên bản ghi lời khai ngày 26/7/2024, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Ngô Thị O trình bày:*

Chị thống nhất lời trình bày của chồng chị là anh C1, không trình bày bổ sung gì thêm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Vào ngày 05 tháng 05 năm 2018 âm lịch, ngày 29 tháng 05 năm 2018 âm lịch. Ông có con con ông là Nguyễn Văn C, sinh năm 1991 hai chung hụi chỗ anh Nguyễn Vũ C1 và chị Ngô Thị O, trong lúc con ông là Nguyễn Văn C đang đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, nên không đứng tên hai chung hụi được nên ông thay con ông đứng tên hai chung hụi, đến nay con ông về thì vợ chồng anh Nguyễn Vũ C1 và chị Ngô Thị O không trả lại tiền hai chung hụi cho con ông.

Ông xác định hai chung hụi là của con ông, giữa ông với anh Nguyễn Vũ C1 và chị Ngô Thị O không có tranh chấp hai chung hụi ngày 05 tháng 05 năm 2018 âm lịch và 29 tháng 5 năm 2018 âm lịch, C toàn quyền quyết định hai chung hụi giữa ông với anh Nguyễn Vũ C1 và chị Ngô Thị O.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu anh Nguyễn Vũ C1 và chị Ngô Thị O phải trả cho anh số tiền hụi còn nợ là 39.000.000 (ba mươi chín triệu) đồng, khi án có hiệu lực.

- Các bị đơn anh Nguyễn Vũ C1, chị Ngô Thị O xác định thừa nhận còn nợ lại 39.000.000 đồng nhưng nay do hoàn cảnh khó khăn nợ nhiều người xin anh C nhận lại vốn gốc ở đây hụi ngày 05/5/2018 âm lịch số tiền là 10.440.000 đồng; hụi ngày 29/05/2018 âm lịch số tiền là 9.800.000 đồng. Tổng cộng là 20.240.000 đồng trừ đi 5.000.000 đồng vợ chồng anh đã đưa thì còn nợ lại 15.240.000 đồng. Nhưng xin trả dần do hiện nay nợ rất nhiều người.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Giữa nguyên đơn và các bị đơn thực tế đã phát sinh ra quan hệ góp hụi với nhau theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Các bị đơn thừa nhận sau khi công bố bẻ hụi đã chót số tiền nợ hụi với nguyên đơn là còn nợ nguyên đơn số tiền nợ hụi 39.000.000 đồng và sau đó đã trả được 5.000.000 đồng đây là sự việc đã được các bị đơn thừa nhận nên yêu cầu của nguyên đơn thuộc trường hợp không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cho rằng hai dây hụi sống nguyên đơn chỉ đóng số tiền 20.240.000 đồng, đã trả 5.000.000 đồng nên nay chỉ đồng ý trả số tiền 15.240.000 đồng và xin trả dần. Tuy nhiên, các bên tham gia chơi hụi loại hụi có hoa hồng (*có lãi*); nguyên đơn đóng hụi khi còn sống nên việc đóng thấp hơn giá dây hụi là quyền lợi của nguyên đơn được hưởng. Lẽ ra khi úp hụi bị đơn phải có biện pháp thỏa thuận, thương lượng với nguyên đơn nhưng không thực hiện và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết mà đã tự thỏa thuận với nguyên đơn nhưng đến khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ hụi thì lại cho rằng không có khả năng thanh toán.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 92 Bộ luật

tổ tụng dân sự; Điều 15, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn có trách nhiệm trả số tiền hội còn nợ là 39.000.000 (ba mươi chín triệu) đồng.

Về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn anh Nguyễn Vũ C1 và chị Ngô Thị O cùng địa chỉ Ấp K1, xã V, huyện A, tỉnh K trả số tiền hội còn nợ. Đây là tranh chấp hợp đồng góp hội thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định pháp luật.

Ngày 14/8/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ trong vụ án này.

[3] Về nội dung:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C và các bị đơn anh Nguyễn Vũ C1, chị Ngô Thị O đều thống nhất xác định anh C có tham gia 02 dây hội áp ngày 05/05/2018 âm lịch và 29 tháng 5 năm 2018 âm lịch, đóng được 22 lần hội sống thì anh C1, chị O tuyên bố úp hội. Sau khi anh C1, chị O tuyên bố úp hội, hai bên tự thỏa thuận thống nhất số tiền nợ hội là 44.000.000 đồng và anh C cho chị

O, anh C1 trả dần số tiền nợ hụi này. Sau đó anh C1, chị O đã trả được số tiền nợ hụi 5.000.000 đồng, còn nợ lại 39.000.000 đồng.

Nguyên đơn anh C cho rằng từ sau khi trả số tiền 5.000.000 đồng đến nay không trả nữa. Đến khi anh C1 bán đất cũng không trả cho anh mà còn thách thức anh đi thưa. Nay anh yêu cầu anh Nguyễn Vũ C1 và chị Ngô Thị O phải trả cho anh số tiền hụi còn nợ là 39.000.000 đồng.

Theo các bị đơn anh Nguyễn Vũ C1, chị Ngô Thị O xác định thừa nhận còn nợ lại 39.000.000 đồng nhưng nay do hoàn cảnh khó khăn nợ nhiều người xin anh C nhận lại vốn gốc ở đây hụi ngày 05/5/2018 âm lịch số tiền là 10.440.000 đồng; hụi ngày 29/05/2018 âm lịch số tiền là 9.800.000 đồng. Tổng cộng là 20.240.000 đồng trừ đi 5.000.000 đồng vợ chồng anh đã đưa thì còn nợ lại 15.240.000 đồng. Nhưng xin trả dần do hiện nay nợ rất nhiều người.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn C và các bị đơn anh Nguyễn Vũ C1 và chị Ngô Thị O thực tế đã phát sinh hợp đồng góp hụi với nhau. Các bị đơn thừa nhận sau khi công bố bể hụi đã chót số tiền nợ hụi với nguyên đơn là còn nợ nguyên đơn số tiền nợ hụi 39.000.000 đồng và sau đó đã trả được 5.000.000 đồng đây là sự việc đã được các bị đơn thừa nhận nên yêu cầu của nguyên đơn thuộc trường hợp không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các bị đơn anh Nguyễn Vũ C1, chị Ngô Thị O cho rằng do hoàn cảnh khó khăn nợ nhiều người xin anh C nhận lại vốn gốc ở đây hụi ngày 05/5/2018 âm lịch số tiền là 10.440.000 đồng; hụi ngày 29/05/2018 âm lịch số tiền là 9.800.000 đồng. Tổng cộng là 20.240.000 đồng trừ đi 5.000.000 đồng vợ chồng anh đã đưa thì còn nợ lại 15.240.000 đồng và xin trả dần do nợ rất nhiều người là không có cơ sở xem xét, bởi lẽ khi các bên tham gia chơi hụi đều xác định là hụi có hoa hồng (*có lãi*); nguyên đơn đóng hụi khi còn sống nên việc đóng thấp hơn giá dây hụi là quyền lợi của nguyên đơn được hưởng. Lẽ ra khi úp hụi các bị đơn phải có biện pháp thỏa thuận, thương lượng với nguyên đơn nhưng không thực hiện và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết mà đã tự thỏa thuận với nguyên đơn thống nhất số tiền nợ hụi và nguyên đơn cũng đồng ý cho trả dần

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Các bị đơn anh Nguyễn Vũ C1 và chị Ngô Thị O phải chịu 1.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn C số tiền 975.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004986 ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C và các bị đơn anh Nguyễn Vũ C1, chị Ngô Thị O có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU